

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ST
TỈNH QUẢNG NGÃI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 06-5-2025
V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con, nợ chung”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ST, TỈNH QUẢNG NGÃI

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Văn Bim

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Đinh Như Trước
- Bà Đinh Thị Hoa

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đinh Thị Tâm, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện ST, tỉnh Quảng Ngãi.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ST, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa:** Ông Lê Văn Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện ST xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 19/2024/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, nợ chung”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Chị Đinh Thị T, sinh năm 1993; địa chỉ: Thôn NM, xã SM, huyện ST, tỉnh Quảng Ngãi.

2. **Bị đơn:** Anh Đinh Văn R, sinh năm 1990; địa chỉ: Thôn NM, xã SM, huyện ST, tỉnh Quảng Ngãi.

3. **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ngân hàng Chính sách Xã hội; địa chỉ trụ sở: Số 169 Linh Đường, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết T – Tổng giám đốc Ngân hàng Chính sách Xã hội;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Quốc V – Giám đốc Phòng Giao dịch Ngân hàng Chính sách Xã hội huyện ST, tỉnh Quảng Ngãi; địa chỉ trụ sở: Thôn Tan Vía, xã SD, huyện ST, tỉnh Quảng Ngãi, theo Quyết định số 7300/QĐ-

NHCS, ngày 19-9-2019 của Tổng Giám đốc Ngân hàng Chính sách Xã hội;

Người được ủy quyền lại: Bà Đinh Thị Hải T – Phó Giám đốc Phòng Giao dịch Ngân hàng Chính sách Xã hội huyện ST, tỉnh Quảng Ngãi; địa chỉ trụ sở: Thôn TV, xã SD, huyện ST, tỉnh Quảng Ngãi, theo Quyết định số 24/QĐ-PGD, ngày 31-3-2023 của Phó Giám đốc Phụ trách Phòng Giao dịch Ngân hàng Chính sách Xã hội huyện ST, tỉnh Quảng Ngãi; là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Hà Thanh Đạt – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Quảng Ngãi, theo Quyết định cử Trợ giúp viên pháp lý tham gia tổ tụng số 24/QĐ-TGPL ngày 15-01-2025 của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Quảng Ngãi; địa chỉ: Số 63 đường Phan Đình Phùng, phường Nguyễn Nghiêm, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

Chị T, anh Đạt, bà Trang đều có mặt; anh R vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 22-10-2024, đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 20-11-2024 và các lời trình bày khác trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Đinh Thị T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đinh Văn R tự nguyện tìm hiểu nhau rồi đến với nhau trên cơ sở tự nguyện, được hai bên gia đình đồng ý, chị với anh R sống chung với nhau như vợ chồng và đã có với nhau 01 (một) con chung là cháu Đinh Thị V, sinh ngày 18 tháng 01 năm 2012. Đến ngày 09 tháng 6 năm 2015 thì chị với anh Đinh Văn R tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy Ban nhân dân xã SM, huyện ST, tỉnh Quảng Ngãi. Sau khi đăng ký kết hôn thì chị với anh R có thêm 01 (một) con chung là cháu Đinh Thị D, sinh ngày 01 tháng 11 năm 2018. Thời gian đầu chị với anh R sống rất hạnh phúc, cùng nhau chăm lo, nuôi dưỡng các cháu Đinh Thị V, Đinh Thị D không xảy ra mâu thuẫn.

Trong những năm gần đây thì giữa chị và anh R phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, anh R hay rượu chè, không quan tâm, không lo lắng cho gia đình, không quan tâm đến cuộc sống của vợ con. Chị đã nhiều lần khuyên anh R nhưng vẫn không thay đổi nên chị với anh R đã sống ly thân từ đầu năm 2024 đến nay. Nay, xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã quá trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đinh Văn R.

- Về con chung: Chị và anh Đinh Văn R có 02 (hai) con chung là cháu Đinh Thị V, sinh ngày 18 tháng 01 năm 2012, cháu Đinh Thị D, sinh ngày 01 tháng 11 năm 2018, hiện nay cháu V và cháu D đang sống cùng với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 con, không yêu cầu anh R phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị và anh Đinh Văn R tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị và anh Đinh Văn R có vay của Phòng Giao dịch Ngân hàng Chính sách Xã hội huyện ST, tỉnh Quảng Ngãi số tiền 50.000.000 đồng (*năm mươi triệu đồng*).

Tại đơn khởi kiện và tại bản tự trình bày thì chị yêu cầu Tòa án giải quyết chị có trách nhiệm trả cho Phòng Giao dịch Ngân hàng Chính sách Xã hội huyện ST, tỉnh Quảng Ngãi 25.000.000 đồng (*hai mươi lăm triệu đồng*); anh R có trách nhiệm trả cho Phòng Giao dịch Ngân hàng Chính sách Xã hội huyện ST, tỉnh Quảng Ngãi 25.000.000 đồng (*hai mươi lăm triệu đồng*). Nhưng tại phiên tòa chị thay đổi yêu cầu trả nợ, cụ thể:

Chị có trách nhiệm trả cho Phòng Giao dịch Ngân hàng Chính sách Xã hội huyện ST, tỉnh Quảng Ngãi 30.000.000 đồng (*ba mươi triệu đồng*);

Anh Đinh Văn R có trách nhiệm trả cho Phòng Giao dịch Ngân hàng Chính sách Xã hội huyện ST, tỉnh Quảng Ngãi 20.000.000 đồng (*hai mươi triệu đồng*).

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án cho bị đơn anh Đinh Văn R nhưng anh R không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Sau đó anh R có nhận các văn bản tố tụng của Tòa án, không đến Tòa án làm việc, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Sau khi phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ thì anh R vẫn nhận các văn bản tố tụng của Tòa án, nhưng không tham gia phiên tòa.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là ông Hà Thanh Đạt trình bày: Tôi thống nhất toàn bộ với phần trình bày của chị Đinh Thị T, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Thị T.

Theo bản tự trình bày và lời khai của người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đinh Thị Hải T trình bày:

Với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thì bà T thống nhất với yêu cầu Tòa án giải quyết việc phân chia trả nợ vay cho Ngân hàng của chị Đinh Thị T. Do khoản vay chưa đến hạn trả và khách hàng chưa vi phạm hợp đồng vay nên Phòng Giao dịch Ngân hàng Chính sách Xã hội huyện ST yêu cầu các bên có trách nhiệm thực hiện đúng theo việc phân chia trả nợ vay mà Tòa án giải quyết và thực hiện nghĩa vụ về nợ vay đúng theo hợp đồng vay với Ngân hàng.

* Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện ST.

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đúng theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân

sự. Bị đơn không chấp hành đúng nghĩa vụ theo quy định tại các điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đinh Thị T.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Đinh Thị T được ly hôn anh Đinh Văn R.

- Về con chung: Giao 02 (hai) cháu Đinh Thị V, sinh ngày 18 tháng 01 năm 2012, cháu Đinh Thị D, sinh ngày 01 tháng 11 năm 2018 cho chị Đinh Thị T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục Anh Đinh Văn R không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị và anh Đinh Văn R tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề nghị xem xét.

- Về nợ chung: Chị Đinh Thị T có trách nhiệm trả cho Phòng Giao dịch Ngân hàng Chính sách Xã hội huyện ST, tỉnh Quảng Ngãi 30.000.000 đồng (*ba mươi triệu đồng*). Anh Đinh Văn R có trách nhiệm trả cho Phòng Giao dịch Ngân hàng Chính sách Xã hội huyện ST, tỉnh Quảng Ngãi 20.000.000 đồng (*hai mươi triệu đồng*).

- Về án phí: Chị Đinh Thị T là cá nhân hộ nghèo, hộ cận nghèo khởi kiện vụ án Hôn nhân và gia đình về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, nợ chung và đơn xin miễn án phí hợp lệ nên thuộc trường hợp không phải nộp tiền tạm ứng án phí, tạm ứng lệ phí Tòa án theo quy định của pháp luật. Anh Đinh Văn R là cá nhân hộ nghèo, hộ cận nghèo, không có đơn xin miễn án phí dân sự sơ thẩm nên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại thời điểm chị Đinh Thị T khởi kiện thì anh Đinh Văn R đang cư trú tại thôn NM, xã SM, huyện ST, tỉnh Quảng Ngãi. Do đó, Tòa án nhân dân huyện ST thụ lý giải quyết vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, nợ chung” giữa nguyên đơn chị Đinh Thị T và bị đơn anh Đinh Văn R là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Đinh Thị T và anh Đinh Văn R tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã SM, huyện ST, tỉnh Quảng Ngãi, đã được Ủy ban nhân dân xã SM cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 09 tháng 6 năm 2015. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa chị Đinh Thị T và anh Đinh Văn R là hợp pháp.

Theo trình bày của nguyên đơn chị Đinh Thị T thì trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh R hay rượu chè, không quan tâm, lo lắng cho gia đình và cuộc sống của vợ con, chị đã nhiều lần khuyên anh R nhưng vẫn không thay đổi nên chị với anh R đã sống ly thân từ đầu năm 2024 đến nay. Nay, chị không còn tình cảm vợ chồng với anh Đinh Văn R nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh R để ổn định cuộc sống.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án cho anh Đinh Văn R nhận nhưng anh R không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị T. Tòa án cũng đã triệu tập anh R đến Tòa án để làm việc, tham gia hòa giải nhưng anh R không chấp hành. Tòa án cũng đã triệu tập anh R tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng anh R vẫn vắng mặt không có lý do. Trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã nhiều lần động viên chị Đinh Thị T bỏ qua mâu thuẫn, đoàn tụ với anh R nhưng chị T vẫn cương quyết yêu cầu được ly hôn.

Xét yêu cầu ly hôn của chị Đinh Thị T, Hội đồng xét xử thấy rằng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh mâu thuẫn giữa vợ chồng chị T, anh R nhưng theo xác nhận của chính quyền địa phương thì chị T, anh R không báo cáo với chính quyền địa phương để hòa giải mâu thuẫn vợ chồng nên địa phương không biết mâu thuẫn giữa vợ chồng chị T, anh R. Tuy nhiên, căn cứ ý kiến trình bày của chị Đinh Thị T và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có căn cứ xác định: Trong quá trình chung sống, giữa vợ chồng chị Đinh Thị T, anh Đinh Văn R có xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng không còn thương yêu, tôn trọng lẫn nhau nên từ đầu năm 2024 chị T và anh R đã sống ly thân, không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Nay mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, chị T không muốn tiếp tục kéo dài đời sống chung của vợ chồng nên khởi kiện ly hôn. Anh R đã nhận được thông báo thụ lý vụ án nhưng cũng không có ý kiến phản đối với yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Đinh Thị T, không có thiện chí để hòa giải hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị Đinh Thị T. Việc chị T và anh R không còn thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau và đã sống ly thân trong một thời gian dài là vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, làm cho mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Đây là một trong những căn cứ để Tòa án giải quyết cho ly hôn theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Vì vậy, chị Đinh Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn anh Đinh Văn R là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và trình bày của nguyên đơn chị Đinh Thị T trong quá trình giải quyết vụ án, có căn cứ xác định: Chị Đinh Thị T và anh Đinh Văn R có 02 (hai) con chung là cháu cháu Đinh Thị V, sinh ngày 18 tháng 01 năm 2012, cháu Đinh Thị D, sinh ngày 01 tháng 11 năm 2018, hiện nay các cháu đang sống cùng với chị T. Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, chị T yêu cầu Tòa án giao 02 (hai)

cháu Đinh Thị V, cháu Đinh Thị D cho chị trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, không yêu cầu anh R phải cấp dưỡng nuôi con.

Xét yêu cầu về nuôi con của chị Đinh Thị T, Hội đồng xét xử thấy rằng: Theo trình bày của chị Đinh Thị T thì từ đầu năm 2024 đến nay chị là người trực tiếp nuôi con, anh Đinh Văn R không thăm nom con và cũng không cấp dưỡng nuôi con. Mặt khác, sau khi nhận thông báo thụ lý vụ án, anh R cũng không có ý kiến, yêu cầu gì về việc nuôi con. Do đó, để ổn định cuộc sống và đảm bảo các quyền lợi khác cho các cháu Đinh Thị V, Đinh Thị D, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đinh Thị T, giao các cháu Đinh Thị V, Đinh Thị D cho chị T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh Đinh Văn R không phải cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Đinh Thị T không yêu cầu anh Đinh Văn R cấp dưỡng nuôi con, đồng thời anh R không có công ăn, việc làm ổn định, không có thu nhập nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Chị Đinh Thị T trình bày không có, anh Đinh Văn R không có ý kiến trình bày về tài sản chung của vợ chồng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Chị Đinh Thị T trình bày chị và anh Đinh Văn R có vay của Phòng Giao dịch Ngân hàng Chính sách Xã hội huyện ST, tỉnh Quảng Ngãi số tiền 50.000.000 đồng (*năm mươi triệu đồng*). Tại phiên tòa chị yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị và anh R mỗi người phải có nghĩa vụ trả số nợ vay cho Ngân hàng, cụ thể:

Chị Đinh Thị T có trách nhiệm trả cho Phòng Giao dịch Ngân hàng Chính sách Xã hội huyện ST, tỉnh Quảng Ngãi 30.000.000 đồng (*ba mươi triệu đồng*);

Anh Đinh Văn R có trách nhiệm trả cho Phòng Giao dịch Ngân hàng Chính sách Xã hội huyện ST, tỉnh Quảng Ngãi 20.000.000 đồng (*hai mươi triệu đồng*).

Sau khi nhận được thông báo thụ lý vụ án, anh R cũng không có ý kiến, yêu cầu gì về việc trả nợ vay của Ngân hàng, đồng thời Phòng Giao dịch Ngân hàng Chính sách Xã hội huyện ST, tỉnh Quảng Ngãi cũng chấp nhận việc yêu cầu trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng của chị Đinh Thị T nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Ý kiến đối với người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chấp nhận yêu cầu của chị Đinh Thị T: Chị T có trách nhiệm trả cho Phòng Giao dịch Ngân hàng Chính sách Xã hội huyện ST, tỉnh Quảng Ngãi 30.000.000 đồng (*ba mươi triệu đồng*); anh R có trách nhiệm trả cho Phòng Giao dịch Ngân hàng Chính sách Xã hội huyện ST, tỉnh Quảng Ngãi 20.000.000 đồng (*hai mươi triệu đồng*). Các bên phải có nghĩa vụ trả nợ theo đúng theo hợp đồng vay và đúng theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy phù hợp nên chấp nhận.

[7] Về án phí:

Chị Đinh Thị T là cá nhân hộ nghèo, hộ cận nghèo khởi kiện vụ án Hôn nhân và gia đình về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, nợ chung và có đơn xin

miễn án phí hợp lệ nên thuộc trường hợp không phải nộp tiền tạm ứng án phí, tạm ứng lệ phí Tòa án theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Anh Đinh Văn R là cá nhân hộ nghèo, hộ cận nghèo, không có đơn xin miễn án phí nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 1.000.000 đồng (một triệu đồng).

[8] Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[9] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ST tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, các điều 147, 235, 264, 266, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các điều 27, 51, 56, 58, 60, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; các điều 116, 280, 288, 352, 357, 463, 466, 470 của Bộ luật dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm b khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện ly hôn, tranh chấp về nuôi con, nợ chung của chị Đinh Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đinh Thị T được ly hôn anh Đinh Văn R.

2. Về con chung: Chị Đinh Thị T và anh Đinh Văn R có 02 (hai) con chung là cháu Đinh Thị V, sinh ngày 18 tháng 01 năm 2012 và cháu Đinh Thị D, sinh ngày 01 tháng 11 năm 2018 (hiện đang sống cùng với chị T).

Giao 02 con chung là Đinh Thị V và Đinh Thị D cho chị Đinh Thị T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh Đinh Văn R không cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị T có trách nhiệm trả cho Phòng Giao dịch Ngân hàng Chính sách Xã hội huyện ST, tỉnh Quảng Ngãi 30.000.000 đồng (*ba mươi triệu đồng*); anh R có trách nhiệm trả cho Phòng Giao dịch Ngân hàng Chính sách Xã hội huyện ST, tỉnh Quảng Ngãi 20.000.000 đồng (*hai mươi triệu đồng*).

5. Về án phí: Chị Đinh Thị T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, án phí dân sự. Anh Đinh Văn R phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 1.000.000 đồng (một triệu đồng).

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Đinh Thị T, người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đinh Thị Hải T có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn anh Đinh Văn R không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

7. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện ST;
- Chi Cục THADS huyện ST;
- UBND xã SM, huyện ST;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đinh Văn Bim